

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 20 – 8 - 2019
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tú và bà Trần Thị Ngọc Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Viện

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, Th 4, phường HX, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố 12, Th 4, phường HX, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S kết hôn với Anh Nguyễn Văn V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/1998 tại Ủy ban nhân dân phường HX, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm, anh V không quan tâm đến gia đình, vợ con, mâu thuẫn giữa mẹ chồng và con dâu không thể giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Bản thân chị S nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống được nữa, không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Văn V.

Phía anh V cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là mâu thuẫn nhỏ chủ yếu là giữa mẹ chồng và con dâu không thể giải quyết được nên chị S đã bỏ về nhà ngoại để sống đã hơn 10 tháng trở lại đây, từ đó

vợ chồng sống ly thân. Nay chị S có yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn anh V thì anh V không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị S, anh V có 02 người con chung tên là Nguyễn Thị Hoài Tr, sinh ngày 13/3/1999 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 27/3/2004.

Nếu ly hôn chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu Q đến khi đủ 18 tuổi, yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.500.000đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi; Cháu Qinh đã đủ 18 tuổi nên cháu muốn ở với ai thì tùy cháu quyết định.

Anh V không đồng ý giao cháu Q cho chị S nuôi dưỡng. Nếu ly hôn anh V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh V được quyền nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con; còn cháu Qinh đã đủ 18 tuổi cháu muốn ở với ai thì tùy cháu quyết định, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị S, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không phải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh V. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh V đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh V vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Anh V không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S kết hôn với Anh Nguyễn Văn V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/1998 tại Ủy ban nhân dân phường HX, thị xã H nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V không lo lắng cho gia đình vợ, con; vợ chồng không quan tâm gì cho nhau và tình cảm hai bên không còn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2018 đến nay. Chị S yêu cầu được ly hôn, anh V cũng không có ý kiến gì. Hơn nữa, mâu thuẫn giữa mẹ chồng và con dâu không thể giải quyết được. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của chị S, anh V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận cho chị S được ly hôn với anh V là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị S, anh V có 02 người con tên là Nguyễn Thị Hoài Tr, sinh ngày 13/3/1999 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 27/3/2004. Cháu Q hiện đang sinh sống cùng với chị S tại nhà của bố mẹ của chị S tại tổ dân phố 9, TL 4, phường HX, thị xã H. Cuộc sống, học tập của cháu Q đã ổn định, cháu Q cũng có nguyện vọng được ở với chị S nên việc giao cháu Q cho chị S nuôi dưỡng là có căn cứ phù

hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Chị S yêu cầu anh V cấp dưỡng cho cháu Q mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Cháu Tr đã thành niên, việc cháu muốn ở với ai thì tùy cháu quyết định, Tòa án không phải giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; Anh Nguyễn Văn V phải cấp dưỡng cho con theo định kỳ nên phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với Anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 27/3/2004 cho Chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, Anh Nguyễn Văn V phải cấp dưỡng cho cháu Q mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi; cháu Nguyễn Thị Hoài Tr đã thành niên nên Tòa án không giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân dân sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 007428 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, chị S đã nộp đủ. Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền còn phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND phường Hương Xuân;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Hữu Nam